

Nếu nguyên nhân trực tiếp của biến động giá dầu vừa qua là việc Saudi Arabia nâng lượng cung chủ yếu vì những mục đích địa chính trị thì hậu quả có thể sẽ không đồng đều địa chính trị mà cả trong tài chính và tất cả các lĩnh vực khác của nền kinh tế thế giới.



Chỉ trong vài tháng qua, giá dầu thô đã sụt giảm tới 50% và có nhiều dự đoán xu hướng này sẽ còn tiếp tục. Hiện tượng này đã gây lo sợ và không ổn định tại một số quốc gia sản xuất dầu thô và những hậu quả vẫn chưa rõ ràng tới nhiều nước khác.

Những lý giải cho sự sụt giảm nhanh và mạnh của giá dầu thô thường chỉ đơn thuần tập trung vào quan hệ cung cầu, theo đúng logic của thị trường. Tuy nhiên dầu thô là loại mặt hàng phức tạp và cần phải tính tới nhiều yếu tố quyết định giá cả của nó, cả bên cung và bên cầu, và có thể tìm phân chia những yếu tố đó vào ba cấp độ khác nhau, xét theo ba chức năng cơ bản nhất của dầu thô trong nền kinh tế hiện nay:

1. Dầu thô là một loại hàng hóa chịu tác động từ những biến đổi trên thị trường “thực”: về bên cung, đó là chi phí khai thác, mức độ sẵn có của tài nguyên, và về bên cầu, chủ yếu là hoạt động sản xuất của các nền kinh tế và quá trình vận tải. Theo cách hiểu này, dầu thô là một sản phẩm có giá trị cao có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới quá trình sản xuất của tất cả sản phẩm hoặc dịch vụ của nền kinh tế thế giới. Ở cấp độ này, người ta vẫn có thể phân tích việc lên xuống của giá dầu như các loại hàng hóa khác dù luôn thừa nhận tầm quan trọng đặc biệt của loại hàng hóa này trong nền kinh tế “thực”.

2. Dầu thô cũng là một nhân tố tài chính quan trọng và là một loại hàng hóa đầu cơ chi phí thấp. Giá trị của những tín phiếu sơ hở và các loại công cụ phi lợi nhuận liên quan tới hoạt động khai thác dầu luôn có quan hệ phụ thuộc tương tác vào giá và sản lượng dầu thô. Do đó, giá dầu cũng rất phụ thuộc vào các đánh giá tín nhiệm, các hoạt động tài chính và đầu cơ.

3. Dầu thô là tài nguyên có ảnh hưởng đến chính trị nội. Quy định kiểm soát hoạt động sản xuất, phân phối và định giá dầu (không đơn thuần là quy định sơ hở trực tiếp) luôn đang ngấm vào quy định nội kinh tế và chính trị nội, và do đó, hành vi thao túng vì các động cơ địa chính trị cũng là một nhân tố rất quan trọng tác động tới giá dầu thô trên thị trường.

Tất nhiên, ba loại yếu tố này không được xếp và càng không thể tách rời nhau. Ví dụ, việc giá dầu thay đổi thu nhập tùy do các nguyên nhân tương tác cung cầu có thể dẫn tới một làn sóng đầu cơ các trái phiếu dầu khí, và hiện tượng này lại có tác động phản hồi và tạo ra biến động giá dầu thậm chí còn lớn hơn; hay các yếu tố địa chính trị ảnh hưởng tới việc quy định sản lượng hay khi lượng tiêu thụ luôn song hành cùng các tác nhân mang tính kinh tế và kỹ thuật. Cả ba loại yếu tố này luôn hiện hữu trong bất kỳ bối cảnh giá dầu nào, tuy nhiên trong một số hoàn cảnh, một loại yếu tố sẽ nổi trội hơn các yếu tố còn lại.

Trong giai đoạn giá dầu tăng vượt năm 2008 (từ mức 70 USD/thùng năm 2007 lên mức 145 USD/thùng vào tháng 6 năm 2008), yếu tố đầu tiên rõ ràng mang tính chất quyết định.

Khi đó, bong bóng dầu bắt đầu sụp đổ và đã buộc các nhà đầu tư tài chính lớn phải tìm những mặt hàng thay thế khác cho nguồn vốn của mình, và dầu khí là một trong số những mặt hàng được đầu tư nhiều nhất. Nhu cầu tăng trưởng công nghiệp của Trung Quốc và Ấn Độ đúng là có tác động khiên giá dầu tăng, nhưng chủ yếu nguyên nhân này sẽ không thể giải thích mức tăng quá lớn trong khoảng thời gian trên.

Tăng trưởng, hoạt động đầu tư cũng là tác nhân chính dẫn tới việc tuột dốc thềm hải của giá dầu vào cuối năm 2008, xuống mức 40USD/thùng, và phục hồi tăng dần sau đó kể từ đầu năm 2009 (vượt mức 100USD/thùng vào năm 2011 và giữ vững ở mức này cho đến tháng 9/2014), mức dù xu hướng thế hai có chủ yếu tác động của các tác nhân thế trường (tuy nhiên trong trường hợp dù tác động lên thế trường, các "tác nhân" không hoàn toàn đến từ thế trường tự do, mà là các cuộc chiến tại Trung Đông và quyết định của một số quốc gia hợp pháp hóa phòng pháp khai thác gây nhiều tranh cãi là thế lực cốt lõi).

Việc giá dầu bắt đầu sụt giảm theo từng đợt khác nhau, kể từ tháng 6/2014 đúng là phần nào xuất phát từ yếu tố nhu cầu giảm do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm, bắt đầu tình hình phức tạp tại Iraq và Syria có ảnh hưởng tới sản lượng và tạo sức ép đẩy giá. Tuy nhiên, mức sụt giảm mạnh từ tháng 9/2014 phần thuộc nhiều vào các quyết định của chính trường hơn là vào các tin tức thế trường. Tác nhân trực tiếp là quyết định của Saudi Arabia và Qatar tiếp tục giữ sản lượng cao và tiếp tục đẩy xuất giữ hơn sản lượng để giữ giá mà các thành viên khác trong Tổ chức các quốc gia xuất khẩu dầu lửa (OPEC) đưa ra. Lý do chính thế là Saudi Arabia muốn chinh phục các thế trường mới để bù vào nhu cầu thế toàn cầu. Có một điểm quan trọng cần nhớ là Saudi Arabia sẽ hậu lợi dầu thô thế tăng cao nhưng với chi phí khai thác rất thấp so với các quốc gia sản xuất khác, và do đó họ vẫn có thể duy trì lợi nhuận bằng việc bán dầu giá thấp nhưng số lượng lớn, trong khi với đa số các quốc gia khác giá dầu hiện tại không đủ bù chi phí. Ví dụ, một thùng dầu thô của Saudi Arabia chỉ có giá thành sản xuất dưới 30 USD/thùng, trong khi tăng chi phí cho một thùng dầu của Nga có thể lên tới 105 USD.

Một số nguồn tin tại Saudi Arabia và Mỹ cho thế nguyên nhân thế có thể rất khác so với lý giải chính thế. Tháng 9/2014, Ngoại trưởng Mỹ John Kerry thếm quốc

gia Hội giáo này và gặp Quốc vương Abdullah và Thái tử Bandar, mà theo một số nhà phân tích, là để hai bên thống nhất chính sách dầu khí của Saudi Arabia nhằm hỗ trợ giá dầu thô. Chỉ ít lâu sau, Saudi Arabia nâng mức sản lượng lên trên 100.000 thùng/ngày và kết quả đó khiến mọi yêu cầu của các thành viên OPEC khác quay lại quy chế không chế sản lượng và giá.

Các động cơ đằng sau chính trị trong trường hợp này chủ yếu liên quan tới Nga và Iran. Với Mỹ, đó là việc chuyển hóa những xung đột với hai quốc gia này thành cuộc chiến kinh tế mà không cần tuyên bố hay can thiệp quân sự (ít nhất là tại thời điểm này). Với các nước trên, giá dầu sụt giảm gây ra khủng hoảng kinh tế do tầm quan trọng chiến lược của một hàng xuất khẩu này đối với nền kinh tế của họ. Trong trường hợp của Nga, tác động tiêu cực này còn được hành với các biện pháp trừng phạt của Mỹ và các đồng minh châu Âu, bất nguồn từ cuộc xung đột tại miền Đông Ukraine, việc mở rộng NATO với các quân của quân sự Mỹ tại các nước láng giềng của Nga và dự án của Moskva xây dựng một đường ống khí đốt tại châu Âu vòng qua phía Nam Ukraine.

Còn với Iran, đó là các vấn đề về chuyển đổi trình độ nhân, ảnh hưởng tới khu vực Trung Đông và các dự án dầu và khí đốt. Các vấn đề này cũng liên quan trực tiếp tới Saudi Arabia và Qatar, những nước kiểm soát hoàn toàn dòng chảy khí đốt tại châu Âu. Để đạt được mức tiêu này, họ phải tìm cách cắt đứt nguồn cung của Nga, thay thế bằng khí đốt của Qatar và các đồng minh trong khu vực Trung Đông, và đảm bảo đường vận tải dầu khí của mình không bị Nga hay Iran can thiệp. Và chính ở điểm này, vai trò của Syria là hết sức quan trọng. Chính quyền của ông Bashar Al-Assad tại Syria luôn là một đồng minh quan trọng của Nga và Iran. Ông Assad từng tuyên bố (chỉ hai tháng trước khi nổ ra cuộc nổi dậy và trang chiến đấu chính quyền của ông) rằng sẽ tham gia một "đường ống khí đốt Hội giáo", chuyển khí đốt của Iran qua Iraq và Syria để kết nối tới Hy Lạp và sau đó là thị trường Liên minh châu Âu. Dự án này nếu thực hiện sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Syria, và cả Liên minh châu Âu cũng được hưởng lợi, nhưng châu Âu đã phản đối với sự trợ giúp từ các đồng minh của họ tại vùng Vịnh. Mặt khác, Syria cũng nằm trên tuyến đường mà Qatar và các đối tác dầu khí xây dựng. Tuy nhiên Thổ Nhĩ Kỳ, quốc gia hiện vẫn là nhà trung chuyển khí đốt quan trọng của châu Âu, lại nằm ngoài tuyến đường mà Nga và Iran hậu thuẫn. Những quyền lợi đằng sau chính trị này giải thích vì sao Saudi Arabia, Qatar, Thổ Nhĩ Kỳ và các đồng minh phương Tây của họ lợi dụng hợp lệ cuộc nổi dậy tại Syria. Với Mỹ, chiến thắng của các đồng minh của họ tại khu vực trong cuộc tranh chấp các dự án đường ống này đồng nghĩa với việc đảm bảo các giao dịch chiến lược dầu khí vẫn tiếp tục được tiến hành bằng đồng USD, nói cách khác là góp phần duy trì nhu cầu và lưu thông của đồng tiền xanh trên thị trường, cũng như hỗ trợ hoàn toàn các đồng USD dầu mỏ và khoản nợ công của Mỹ.

Lẽ dĩ nhiên là nhu cầu quốc gia chủ yếu tác động tới việc dầu thô rớt giá. Những nước sản xuất lớn như Nigeria và Libya phải gánh chịu hậu quả cũng tồi tệ không kém gì so với Nga và Iran; tuy nhiên đối với Mỹ và đồng minh, điều này dù là không muốn nhưng có thể chấp nhận được, mặt khác “thiệt hại ngoại vi”. Trong trường hợp của Venezuela, thiệt hại lớn mà nền kinh tế nước này và chính quyền của Tổng thống Nicolás Maduro là mặt lợi ích khác đối với Mỹ, nếu xét tới thái độ thù địch của Washington đối với Caracas và sự hỗ trợ thường xuyên cho phe đối lập.

Tuy nhiên, một số nhà phân tích đã lên tiếng cảnh báo nguy cơ với những hậu quả thậm chí còn tồi tệ hơn đối với Mỹ và nền kinh tế thế giới khi nguồn tài nguyên giá dầu bị hạn chế. Trường hợp tệ nhất, điều này xuất phát từ việc biến động của giá dầu luôn có ảnh hưởng lên các giá cả khác, từ các sản phẩm cho tới các loại hình chi phí khác.

Mặc dù đối với những nước không xuất khẩu dầu, giá dầu thấp sẽ là một lợi thế cho hoạt động sản xuất, nhưng vấn đề với những nhà sản xuất tiêu chuẩn đang ngày một lớn dần. Giá dầu hiện cũng kéo giá cả của các sản phẩm xuất khẩu khác xuống theo, đặc biệt là các sản phẩm nguyên liệu hoặc sản phẩm của các nước mới nổi tại Mỹ Latinh. Giá dầu tăng cao trước đây cũng từng giúp củng cố giá trị đồng USD do sự trượt giá của các đồng tiền khác, không chỉ của các nước xuất khẩu dầu dù rằng đồng tiền của họ mất giá mạnh hơn. Tuy nhiên quốc gia, giá dầu thấp hiện tại đang làm chảy máu nguồn vốn, giảm lòng tin đầu tư và đẩy giá mặt hàng nhập khẩu lên cao và càng làm tình hình kinh tế trì trệ.

Những phải nói rằng thế giới tài chính, nguồn gốc của bao điều bất trắc kinh tế trong thời kỳ của chúng ta mới là nơi chứa đựng nhiều rủi ro nhất cho nền kinh tế toàn cầu từ việc giá dầu thấp hiện tại. Hiện trạng này có thể dẫn tới sự phá sản hàng loạt của các công ty nhỏ trong ngành khai thác và sản xuất dầu, cũng như ảnh hưởng mạnh tới hoạt động khai thác dầu đá phiến (chủ yếu bằng công nghệ thủy lực cắt phá – một công nghệ chi phí cao chủ yếu được khuyến khích nhờ giá dầu cao trước đây) tại Mỹ và một số nước khác. Nguồn tài chính của những hoạt động này chủ yếu đến từ các ngân hàng và nhà đầu tư, và qua việc phát hành trái phiếu lãi suất cao và rủi ro cũng cao (junk bonds). Sự sụp đổ của những doanh nghiệp này và các công ty trong một số lĩnh vực khác có liên quan tới dầu khí có thể dẫn tới sự sụp đổ cho những ngân hàng lớn trên thế giới hay các tác nhân tài chính khác. Tất cả có thể gây ra một hiệu ứng dây chuyền trên các thị trường tài chính và dẫn tới tình trạng bất ổn định rộng rãi cũng như sự sụp đổ của thị trường thế giới như Mỹ trong giai đoạn 2007-2008. Cũng giống như vậy, tình trạng hiện tại có thể gây ra một cú sốc lớn đối với một bộ phận quan trọng của hệ thống

tài chính th̄ gīi, và t̄ đó ̄nh h̄ng t̄i n̄n kinh t̄ toàn c̄u, n̄u xét t̄i tính mong manh c̄a nh̄ng th̄ tr̄ng tài chính có m̄c đ̄ cao v̄ k̄t n̄i, bīn đ̄ng và đ̄u c̄.

Tóm l̄i, n̄u nguyên nhân tr̄c tīp c̄a bīn đ̄ng giá đ̄u v̄a qua là vīc Saudi Arabia nâng l̄ng cung ch̄ ȳu vì nh̄ng m̄c đ̄ch đ̄a chính tr̄ (m̄c dù s̄ s̄p đ̄ c̄a các đ̄i th̄ kinh t̄ khác nh̄ các nhà khai thác đá phīn đ̄u c̄ng có th̄ coi là m̄t đ̄ng c̄ kinh t̄ ph̄), thì h̄u qū có th̄ s̄ không đ̄ng ̄ đ̄a chính tr̄ mà c̄ trong tài chính và t̄t c̄ các l̄nh v̄c khác c̄a n̄n kinh t̄ th̄ gīi. N̄u nh̄ng n̄c s̄n xūt đ̄u khí khác là nh̄ng n̄c ch̄u ̄nh h̄ng tr̄c tīp nh̄t, thì nh̄ng h̄u qū v̄ lâu dài – bao ḡm c̄ nh̄ng tác đ̄ng không th̄ nói tr̄c hay ph̄n ̄ng tīp theo c̄a nh̄ng “nhân v̄t chính” – có th̄ là r̄t to l̄n và đ̄ng ch̄m t̄i nh̄ng khía c̄nh kinh t̄ và chính tr̄ ph̄c t̄p h̄n r̄t nhīu so v̄i nh̄ng toan tính ban đ̄u c̄a nh̄ng nḡi đ̄o dīn b̄i c̄nh giá đ̄u th̄p hīn t̄i./.

Bài vīt c̄a giáo s̄ Stanley Simon Malinowitz trên trang m̄ng Quan sát Kinh t̄ qūc t̄, Khoa Khoa h̄c kinh t̄, ̄i h̄c Qūc gia Colombia

Lê S̄n (gt)